

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Thanh T- sinh năm 1963; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Vợ chồng anh Nguyễn Thành T1 - sinh năm 1986, chị Đào Thị L – sinh năm 1986; Cùng trú tại: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm Thanh T và vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Đào Thị L thống nhất: Vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Đào Thị L còn nợ ông Phạm Thanh T số tiền là 244.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

- Ông Phạm Thanh T và vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Đào Thị L thống nhất thỏa thuận mỗi tháng vợ chồng anh T1, chị L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) cho đến khi trả đủ số tiền 244.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng*). Thời gian bắt đầu trả nợ là từ tháng 7/2025. Trong trường hợp vợ chồng anh T1, chị L vi phạm về thời gian trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì vợ chồng anh T1, chị L phải có nghĩa vụ trả một lần toàn bộ số tiền còn lại cho ông T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Phạm Thanh T phải chịu 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Đào Thị L phải chịu 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Thanh T thuộc diện người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ông Phạm Thanh T được miễn nộp 3.050.000đ (*Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An;
- THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hs, AV.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền